

SỐ 351

## KINH MA HA DIỄN BẢO NGHIÊM

*Hán dịch: Thất dịch. Dựa vào dịch phẩm đời Tấn.*

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật du hóa tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương-xá, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo tám ngàn vị, một vạn sáu ngàn vị Bồ-tát, từ các cõi Phật tập hợp về đây, đều là bậc dốc cầu đạo Chánh chân vô thượng.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Đại Ca-diếp:

–Bồ-tát có bốn pháp làm mất trí tuệ Ba-la-mật. Những gì là bốn: Một là chẳng tôn trọng pháp, chẳng quý kính Pháp sư. Hai là làm Pháp sư mà bỗn sển đối với giáo pháp. Ba là đối với người cầu mong được giáo pháp thì lại ngăn trở, trách mắng, khinh dễ, chẳng chịu thuyết pháp. Bốn là cao ngạo, kiêu mạn, đề cao mình, hủy báng người.

Này Tôn giả Ca-diếp! Như thế gọi là Bồ-tát có bốn việc làm mất Trí tuệ Ba-la-mật.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát có bốn việc làm cho đến đạt được Trí tuệ Ba-la-mật. Thế nào là bốn việc? Một là tôn trọng giáo pháp, kính trọng Pháp sư. Hai là tùy theo pháp được nghe giảng nói rộng cho người, nhưng tâm không tham chấp, cũng không có mong cầu, chỉ vì trí tuệ Ba-la-mật nên xả bỏ tất cả tài vật để cầu học nhiều hơn, như cứu lửa cháy trên đầu. Ba là nghe rồi thọ trì. Bốn là

thực hành đúng như pháp, chẳng chấp vào lời nói.

Này Tôn giả Ca-diếp! Như vậy gọi là Bồ-tát có bốn việc đạt được Trí tuệ Ba-la-mật.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát có bốn việc làm mất tâm Bồ-tát. Bốn việc đó là: Một là khi đối Sư trưởng và bậc Trưởng lão. Hai là người kia không phạm lỗi mà nói có phạm lỗi. Ba là đối với người cầu pháp Đại thừa thì chê bai, bêu xấu họ. Bốn là có tâm đối nịnh không thành thật.

Này Tôn giả Ca-diếp! Như vậy là Bồ-tát có bốn việc làm mất tâm của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát thành tựu bốn pháp. Từ lúc mới sinh cho đến lúc ngồi nơi đạo tràng, tâm Bồ-tát luôn luôn hiện tiền chẳng mất. Những gì là bốn? Một là thà chết, quyết chẳng vọng ngữ. Hai là đối với tất cả Bồ-tát tưởng là Phật nên thường xưng dương danh hiệu khắp bốn phương. Ba là hết sức thành thật không có tâm giả dối đua nịnh. Bốn là không ưa pháp Tiểu thừa.

Này Tôn giả Ca-diếp! Như vậy gọi là Bồ-tát thành tựu bốn pháp từ lúc mới sinh cho đến lúc ngồi nơi đạo tràng, tâm của Bồ-tát luôn hiện tiền chẳng mất.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát gây tạo bốn pháp khiến pháp thiện đã sinh phải diệt mất, chẳng tăng trưởng. Thế nào là bốn? Một là đem tâm cao ngạo kiêu mạn học theo kinh sách thế tục. Hai là vì tham đắm tài vật nên thường đến nhà đàn việt. Ba là đố kỵ, chê bai Bồ-tát. Bốn là đối với kinh điển chưa từng nghe hoặc đã nghe thì lại phỉ báng.

Này Tôn giả Ca-diếp! Đây gọi là Bồ-tát gây tạo bốn pháp, làm mất hẳn, chẳng tăng trưởng pháp thiện đã sinh.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát thành tựu bốn pháp khiến pháp thiện tăng trưởng chẳng lui mất. Thế nào là bốn? Một là ưa nghe pháp thiện, chẳng ưa nghe phi pháp, ưa nghe sáu Ba-la-mật và pháp tạng của Bồ-tát. Hai là khiêm tốn, chẳng kiêu mạn đối với chúng sinh. Ba là dùng pháp biết đủ trừ pháp tà mạn, chẳng nêu lỗi của người phạm hay không phạm, chẳng tìm lỗi của người. Bốn là đối với giáo pháp chưa thông đạt thì chẳng nói đúng sai. Nghĩ: Vô

lượng cảnh giới Như Lai đều tùy theo căn tánh của chúng sinh mà thuyết pháp cho họ. Tôi không thể hiểu được, chỉ có Đức Phật chứng biết thôi.

Này Tôn giả Ca-diếp! Như vậy gọi là Bồ-tát thành tựu bốn pháp làm cho pháp thiện tăng trưởng chẳng lui mất.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Có bốn tâm đối nghịch mà Bồ-tát phải trừ diệt. Thế nào là bốn? Một là do dự nghi ngờ đối với giáo pháp của Phật. Hai là đối với chúng sinh có tâm kiêu mạn, sân giận. Ba là sinh tâm ganh ghét đối với lợi lạc của kẻ khác. Bốn là bêu xấu, phỉ báng Bồ-tát.

Này Tôn giả Ca-diếp! Đây gọi là có bốn tâm đối nghịch mà Bồ-tát phải diệt trừ.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát có bốn tướng thuận. Thế nào là bốn? Một là đã phạm lỗi thì phát lồ chẳng che giấu, tâm không phiền muộn. Hai là lời nói chân thật dù đến chết cũng chẳng dối trá. Ba là khi gặp những nghịch cảnh như bị hủy báng, đánh đập, trói buộc thì tự trách: đó là nghiệp báo của mình, chẳng giận dữ với người, chẳng sinh phiền não. Bốn là vững tâm không tin vào lời người khác, chỉ tin pháp Phật. Bên trong thanh tịnh.

Này Ca-diếp! Đây gọi là Bồ-tát có bốn tướng thuận.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát có bốn điều xấu. Thế nào là bốn? Một là nghe nhiều nhưng xem thường nên hành động không đúng pháp, chẳng thuận theo những điều răn dạy. Hai là xa lìa chánh pháp, chẳng kính sư trưởng, chẳng xứng đáng nhận sự cúng dường của tín thí. Ba là làm mất giới, định, tuệ, nên ngu si, dối thọ tín thí. Bốn là thấy bậc Điều ngự Bồ-tát có trí tuệ thì chẳng cung kính, lại cao ngạo khinh mạn.

Này Ca-diếp! Đây là bốn điều xấu của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát có bốn trí: Một là đối với kinh chưa nghe hoặc nghe rồi đều thực hành đúng pháp. Hai là dựa vào ý nghĩa chẳng dùng văn tự trau chuốt. Ba là thuận theo lời dạy bảo, nói năng khéo léo, làm việc gì đều luôn hiếu thuận với tôn sư, đạt được Giới-Định-Tuệ, thọ nhận cúng dường. Bốn là gặp bậc Điều Ngự Bồ-tát có trí tuệ phải khởi tâm thiện cung kính hoàn toàn.

Này Ca-diếp! Đây là bốn trí của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát có bốn việc trái nghịch. Thế nào là bốn? Một là chưa biết rõ chúng sinh bèn kết làm thân cận, trái nghịch với Bồ-tát. Hai là chúng sinh không thể thọ nhận giáo pháp vi diệu của Phật mà thuyết giảng cho họ, trái nghịch với Bồ-tát. Ba là đối với người ưa thích pháp vi diệu tối thượng lại thuyết cho pháp Tiểu thừa, trái nghịch với Bồ-tát. Bốn là đối với chúng sinh chánh hạnh đáng được lãnh hội diệu pháp thì ngược lại, trái nghịch với Bồ-tát.

Này Ca-diếp! Đây là bốn sự trái nghịch.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát có bốn đạo. Thế nào là bốn? Một là đem tâm bình đẳng đối với chúng sinh. Hai là khuyến hóa tất cả chúng sinh tu học trí tuệ của Phật. Ba là vì tất cả chúng sinh mà thuyết giảng chánh pháp. Bốn là làm cho tất cả chúng sinh thuận với chánh hạnh.

Này Ca-diếp! Đó là bốn chánh đạo của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát có bốn tri thức ác. Thế nào là bốn? Một là hàng Thanh văn chỉ cầu tự lợi. Hai là hàng Duyên giác ít nghĩa ít sự. Ba là bậc thầy dạy ngoại điển thế tục truyền đạt lời lẽ trau chuốt. Bốn là thân cận với họ chỉ được pháp thế tục, chẳng ích lợi cho chánh pháp.

Này Ca-diếp! Đây là bốn tri thức ác.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát có bốn tri thức thiện. Thế nào là bốn? Một là người đến xin cầu học là tri thức thiện của Bồ-tát vì nuôi lớn đạo pháp. Hai là người làm Pháp sư là tri thức thiện đa văn của Bồ-tát vì nuôi lớn trí tuệ Ba-la-mật. Ba là người khuyên bảo xuất gia học đạo là tri thức thiện của Bồ-tát vì nuôi lớn tất cả các căn lành. Bốn là chư Phật Thế Tôn là tri thức thiện của Bồ-tát vì nuôi lớn tất cả pháp Phật.

Ca-diếp, đây là bốn tri thức thiện.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Có bốn pháp tương tự Bồ-tát. Thế nào là bốn? Một là tham lợi dưỡng, chẳng cầu công đức. Hai là chỉ cầu tự vui, chẳng vì chúng sinh. Ba là chỉ trừ khổ của chính mình, chẳng vì chúng sinh. Bốn là muốn được quyến thuộc, chẳng ưa xa

lìa.

Ca-diếp, đây là bốn pháp tương tự Bồ-tát.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát có bốn công đức chân thật. Thế nào là bốn? Một là hiểu về không nhưng tin nơi nghiệp báo. Hai là hiểu các pháp không có ngã nhưng hiện bày tâm đại từ đối với chúng sinh. Ba là tuy ưa thích Niết-bàn nhưng chẳng xả bỏ sinh tử. Bốn là hành bố thí vì giáo hóa chúng sinh, chẳng mong cầu quả báo.

Ca-diếp, đây là bốn công đức chân thật của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Đại Bồ-tát có bốn đại tạng. Thế nào là bốn? Một là gặp Phật xuất hiện ở đời. Hai là nghe thuyết giảng về sáu Ba-la-mật. Ba là đem tâm vô ngại nhìn Pháp sư. Bốn là chẳng buồn lung, ưa ở chỗ rừng núi.

Ca-diếp, đây là Bồ-tát có bốn đại tạng.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát có bốn pháp vượt qua các ma. Thế nào là bốn? Một là chẳng bỏ tâm của Bồ-tát. Hai là tâm không trở ngại đối với tất cả chúng sinh. Ba là chẳng chấp trước tất cả các kiến chấp. Bốn là chẳng khinh mạn tất cả chúng sinh.

Ca-diếp, đây là bốn pháp vượt qua các ma của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Đại Bồ-tát có bốn pháp thâm nhận tất cả pháp thiện. Thế nào là bốn? Một là thường ở chỗ vắng lặng thanh tịnh, tâm không đối trá. Hai là có ân hay không có ân tâm cũng nhẫn chịu. Ba là xả bỏ thân mạng vì chúng sinh, nhớ nghĩ đến bốn ân. Bốn là cầu pháp không có sự nhầm chán, nên đủ tất cả căn lành.

Ca-diếp, đây là bốn pháp thâm nhận tất cả pháp thiện của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Đại Bồ-tát có bốn phước đức vô lượng. Thế nào là bốn? Một là hành pháp thí với tâm thanh tịnh. Hai là sinh tâm đại bi đối với người phạm giới. Ba là nguyện cho tất cả chúng sinh ưa thích tâm Bồ-tát. Bốn là đối với những kẻ thấp kém thì chẳng bỏ nhẫn nhục.

Ca-diếp, đây là bốn phước đức vô lượng của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Chẳng phải vì danh tự Bồ-tát mà gọi là Bồ-tát, mà vì người hay hành pháp, hành bình đẳng, hành phân biệt phước, nên mới gọi là Bồ-tát.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Đại Bồ-tát thành tựu ba mươi hai pháp được gọi là Bồ-tát. Thế nào là ba mươi hai pháp?

Một là dốc tâm tạo lợi ích cho chúng sinh.

Hai là muốn đạt được Nhất thiết trí.

Ba là tự khiêm tốn chẳng hủy hoại trí tuệ của người.

Bốn là chẳng kiêu mạn đối với tất cả chúng sinh.

Năm là có tâm tin đối với tất cả chúng sinh.

Sáu là thương nhớ tất cả chúng sinh.

Bảy là hết lòng thương xót mọi chúng sinh.

Tám là oán và thân đều bình đẳng.

Chín là chúng sinh cầu Niết-bàn thì càng đem lại vô lượng phước.

Mười là thấy chúng sinh thì hoan hỷ thuyết pháp.

Mười một là điều đã hứa thì không hối.

Mười hai là có tâm đại bi đối khắp cả chúng sinh.

Mười ba là cầu pháp, nghe nhiều mà không nhàm chán.

Mười bốn là tự biết lỗi mình đã phạm.

Mười lăm là thấy người phạm lỗi thì can gián chẳng nổi giận.

Mười sáu là tu hành tất cả oai nghi, phép tắc.

Mười bảy là bố thí chẳng mong đền đáp.

Mười tám là nhẫn nhục vô ngại.

Mười chín là tinh tấn cầu tất cả căn lành.

Hai mươi là tu tập thiền định vượt qua cõi vô sắc.

Hai mươi một là dùng phương tiện thâu giữ trí tuệ.

Hai mươi hai là khéo léo đền đáp bốn ân.

Hai mươi ba là đối với người có giới hay không có giới đều bình đẳng hành tâm từ.

Hai mươi bốn là chí tâm nghe pháp.

Hai mươi lăm là thường ở nơi vắng lặng.

Hai mươi sáu là chẳng ưa thích việc thế gian.

Hai mươi bảy là chẳng ưa pháp Tiểu thừa, chỉ ưa công đức của Đại thừa.

Hai mươi tám là xa lìa tri thức ác, thân cận thiện hữu.

Hai mươi chín là thành tựu bốn phạm hạnh.

Ba mươi là thường dựa nơi trí tuệ.

Ba mươi một là đối với chúng sinh có hạnh hay không có hạnh đều chẳng rời bỏ.

Ba mươi hai là lời nói luôn chân thật, dứt khoát. Tâm Bồ-tát luôn trụ nơi hiện tiền.

Này Tôn giả Ca-diếp! Đại Bồ-tát thành tựu ba mươi hai pháp này được gọi là Bồ-tát.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Ta sẽ vì ông nói rõ ví dụ về công đức của Bồ-tát, như người trí do ví dụ để nhận biết.

Ví như đại địa vì tất cả chúng sinh mà không thấy có hai. Cũng vậy, Bồ-tát từ lúc mới phát tâm cho đến ngồi nơi đạo tràng, vì tất cả chúng sinh không thấy có hai.

Ví như nước, trăm thứ lúa, đậu, cỏ, cây, thuốc thang đều nhờ đó mà sinh sống. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát vì tự tâm thanh tịnh nên từ bi trùm khắp tất cả, vì các chúng sinh mà tăng trưởng đức thanh tịnh.

Ví như lửa thành thực trăm thứ lúa, đậu, cây, cỏ, thuốc thang. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát đem trí tuệ Ba-la-mật thành tựu tất cả chúng sinh.

Ví như gió làm trang nghiêm tất cả các quốc độ của Phật. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát dùng phương tiện làm trang nghiêm tất cả các cõi Phật.

Ví như mặt trăng mỗi ngày một tăng trưởng. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát chí thành thanh tịnh nên tăng trưởng tất cả pháp thiện.

Ví như mặt trời lúc mọc lên, chiếu sáng khắp chúng sinh. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát đem trí tuệ Ba-la-mật chiếu khắp tất cả chúng sinh.

Ví như sư tử chúa đi đến bất cứ nơi nào cũng chẳng kinh sợ. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát trì giới thanh tịnh, dù đi bất cứ nơi nào cũng không kinh sợ.

Ví như voi chúa có thể đảm nhận các việc nặng mà không hề mệt nhọc. Cũng vậy, Bồ-tát khéo điều phục tâm, vì tất cả chúng sinh nhận lấy trọng trách mà không hề mệt mỏi.

Ví như hoa sen sinh ở nơi bùn lầy mà chẳng dính nước. Cũng vậy, Bồ-tát tuy sinh ở thế gian nhưng chẳng tham đắm các pháp thế gian.

Ví như đại thọ, tuy bị chặt hết cành lá nhưng chẳng phá gốc nên lại mọc lên như cũ. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát vì tâm phương tiện khéo léo nên đầu đoạn trừ kiết sử mà vẫn sinh trong ba cõi.

Ví như nước sông từ các phương chảy vào biển lớn, đều thành một vị. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát gieo trồng bao nhiêu công đức thiện nguyện để hồi hướng về Phật đạo thủy đều có một vị.

Ví như núi Tu-di, trời Tứ Thiên vương và trời Đao-lợi đều ở trên đó. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Tâm của Bồ-tát là chỗ nương của các thiện căn.

Ví như quốc vương nhờ sự trợ giúp của các quan mà thành tựu tất cả việc nước. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Trí tuệ Ba-la-mật của Bồ-tát nhờ sự hỗ trợ của thiện căn mà thành tựu tất cả Phật sự.

Này Tôn giả Ca-diếp! Ví như lúc trời quang mây tạnh thì không thể có mưa được. Cũng vậy, nếu Bồ-tát chẳng đa văn thì không thể có mưa pháp được.

Này Tôn giả Ca-diếp! Ví như lúc trời đầy mây thì ắt có mưa. Cũng vậy, Bồ-tát có mây đại từ sẽ có mưa pháp.

Ví như Chuyển luân Thánh vương xuất hiện nơi nào thì nơi ấy có bảy báu. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Khi Bồ-tát xuất hiện thì ba mươi bảy phẩm trợ đạo cũng có mặt.

Ví như ngọc ma-ni ở chỗ nào thì chỗ đó có được vô lượng trăm ngàn châu báu. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Chỗ nào có tâm của Bồ-tát thì nơi ấy có vô lượng trăm ngàn pháp Thanh văn, Duyên giác.



Ví như các khu vườn để dạo chơi ở cõi trời Ba Mươi Ba, tất cả các nhạc cụ vui chơi thấy đều bình đẳng. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát rất thanh tịnh vì tất cả chúng sinh theo phương tiện giáo hóa bình đẳng, thấy không có sai biệt.

Ví như nhờ vào chú thuật và thuốc giải nên chất độc không thể hại người. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát do trí tuệ nên không bị hại do chất độc kiết sử.

Ví như các phân dơ trong thành ấp mà đổ vào ruộng thì càng lợi ích. Cũng vậy, Ca-diếp, Bồ-tát nhân nơi kiết sử mà việc học Nhất thiết trí càng lợi ích. Thế nên, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát muốn học kinh Bảo Nghiêm này thì phải chánh quán các pháp.

Thế nào là chánh quán? Nghĩa là quán chân thật nơi các pháp.

Thế nào là quán chân thật nơi các pháp? Nghĩa là chẳng quán ngã - nhân - thọ mạng.

Đó là Trung đạo của pháp quán chân thật.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Người quán chân thật thì chẳng quán sắc là thường hay vô thường, cũng chẳng quán thọ-tưởng-hành-thức là thường hay vô thường. Đây gọi là Trung đạo của pháp quán chân thật.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Thế nào là quán chân thật các pháp? Nghĩa là chẳng quán địa chủng là thường hay vô thường. Cũng chẳng quán thủy-hỏa-phong-giới là thường hay vô thường. Đây gọi là Trung đạo của pháp quán chân thật.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Thường là một bên, vô thường là một bên, giữa thường và vô thường là trung gian không có sắc, không thể thấy, cũng không thể nắm bắt được. Đây gọi là Trung đạo của pháp quán chân thật.

Ngã là một bên, vô ngã là một bên, trung gian giữa hai bên là vô sắc, không thể thấy, cũng không thể nắm bắt được. Đây gọi là Trung đạo của pháp quán chân thật.

Tâm chân thật là một bên, tâm không chân thật là một bên. Vô tâm, vô tư, vô ý, vô thức, gọi là Trung đạo của pháp quán chân thật.

Như vậy, pháp bất thiện, pháp thế gian, pháp có tranh cãi, pháp

hữu lậu, pháp hữu vi, pháp có cấu uế, đây gọi là một bên.

Còn pháp thiện, pháp xuất thế gian, pháp không tranh cãi, pháp vô lậu, pháp vô vi, pháp thanh tịnh, đây là một bên.

Khoảng trung gian giữa hai bên thì vô sở hữu, cũng không thể nắm bắt được. Đây gọi là Trung đạo của pháp quán chân thật.

Hữu là một bên, vô là một bên, trung gian giữa hai bên này không có sở hữu, cũng không thể nắm bắt. Đó gọi là Trung đạo của pháp quán chân thật.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Ta nói cho ông rõ: Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu nhập, sáu nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử khổ não ưu bi. Như vậy là sự tạo thành khổ ấm lớn. Nếu vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì sáu nhập diệt, sáu nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì lão tử, ưu bi khổ não đều diệt. Như vậy là sự diệt tận khổ ấm lớn.

Không có hai thứ ấy, cũng không có hai hành, trung gian có thể nhận biết. Đó gọi là Trung đạo của pháp quán chân thật. Như vậy, vô minh, hành dứt, thức, danh sắc, sáu nhập v.v... sinh lão tử dứt. Không có hai thứ ấy, cũng không có hai hành, trung gian có thể nhận biết. Như vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Đó gọi là Trung đạo của pháp quán chân thật

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Trung đạo của pháp quán chân thật về các pháp là chẳng đem Tam-muội Không quán các pháp là không, vì các pháp tự nó là không.

Chẳng đem Tam-muội Vô tướng quán các pháp là không tướng vì các pháp tự nó là không tướng.

Chẳng dùng Tam-muội Vô nguyện quán các pháp là vô nguyện, vì các pháp tự nó là vô nguyện.

Chẳng dùng vô hành quán các pháp là vô hành, vì các pháp tự nó là vô hành.

Chẳng dùng vô khởi mà quán các pháp là vô khởi, vì các pháp

tự nó là vô khởi.

Chẳng dùng vô sinh quán các pháp là vô sinh, vì các pháp tự nó là vô sinh.

Chẳng dùng Như mà quán các pháp là Như, vì tự thân các pháp là Như. Đây gọi là Trung đạo của pháp quán chân thật về các pháp.

Chẳng dùng vô nhân mà quán các pháp là không, vì các pháp tự nó là không. Quá khứ không, vị lai không và hiện tại cũng không. Phải dựa nơi không, chớ dựa nơi người. Nếu do có được không bèn dựa chấp nơi không này thì ta nói người ấy xa lìa pháp đó.

Như vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Thà dựa vào ngã kiến tích chứa bằng núi Tu-di chẳng đem tâm kiêu mạn, cũng chẳng phải nhờ đa văn mà chấp vào không kiến là ngã sở không thể đối trị.

Ví như lương y cho thuốc thích ứng với bệnh, nhưng bệnh thì mất đi mà thuốc vẫn tồn tại trong cơ thể. Này Ca-diếp! Ý ông thế nào? Người bệnh này được lành chẳng?

Đáp:

–Bạch Thế Tôn, không. Vì sao? Vì thuốc ấy vẫn tồn tại trong cơ thể.

–Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! “Không” có thể đoạn trừ tất cả kiến chấp, nhưng nếu dựa vào Không kiến thì đó là ngã sở không thể đối trị.

Ví như có người sợ hư không nên kêu la: “Nay hãy vì tôi mà bỏ hư không ấy”. Này Ca-diếp! Ý ông thế nào? Hư không ấy có thể bỏ được chẳng?

Đáp:

–Bạch Thế Tôn, không.

–Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Nếu người nào sợ pháp không thì Ta bảo người đó là si cuồng lầm lạc. Vì sao? Vì chúng sinh tạo ra không mà người ấy lại sợ không.

Ví như họa sĩ vẽ ra tượng quý thần rồi lại kinh sợ tượng ấy. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Hàng phàm phu ngu si tự tạo ra sắc-thanh-hương-vị-xúc, nên qua lại nơi sinh tử mà chẳng tự biết.

Ví như huyễn sư tự tạo ra người huyễn, rồi trở lại ăn huyễn sư,

đều là không chân thật. Như vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Tỳ-kheo tu hành tùy theo sự tư duy, tất cả là hư giả, chẳng chân thật, không có sự kiên cố, cũng như vậy.

Ví như hai khúc gỗ cọ sát nhau phát ra lửa, lửa ấy trở lại đốt cháy khúc gỗ. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Do quán chân thật nên sinh trí tuệ vô lậu, trí tuệ đó trở lại đốt cháy quán chân thật.

Ví như thấp đèn sẽ trừ hết tối tăm. Bóng tối ấy không từ đâu lại cũng không đi đến đâu, chẳng phải từ phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc mà lại, cũng chẳng đi đến những phương ấy. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Khi trí tuệ phát sinh rồi thì vô trí liền diệt-vô trí này không từ đâu lại cũng không đi đến đâu. Ánh đèn này không nghĩ ta phải diệt trừ bóng tối, nhưng khi đèn sáng thì bóng tối liền mất. Sáng và tối đều là không, không thể hỗ trợ, không tạo, không tác.

Này Tôn giả Ca-diếp! Ví như ngôi nhà suốt trăm năm tăm tối, nếu khi thấp đèn sáng liệu bóng tối ấy có nghĩ ta phải ở đây chẳng đi đâu chẳng?

Đáp:

–Bạch Thế Tôn, không. Bóng tối ấy chắc chắn diệt mất.

–Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Nếu có chúng sinh đã tạo nghiệp trong trăm ngàn kiếp, nay dùng một pháp quán sát chân chánh, ánh đèn của trí vô lậu sẽ trừ diệt hết.

Ví như hạt giống chẳng sinh trưởng trong hư không. Cũng vậy, Bồ-tát chẳng từ vô vi mà sinh pháp Phật.

Ví như trong đại địa, các loại cỏ cây xen tạp mà mọc lên năm thứ lúa thóc. Cũng vậy, Bồ-tát ở trong đời kiết phước xen tạp mới sinh ra pháp Phật.

Ví như trên đất liền chẳng sinh hoa sen. Cũng vậy, Bồ-tát ở trong vô vi chẳng sinh pháp Phật.

Ví như trong bùn nước ẩm thấp sinh ra nhiều loại hoa sen. Cũng vậy, Bồ-tát ở trong kiết phước của chúng sinh mới sinh pháp Phật.

Ví như trong bốn biển đầy chất đề hồ, phải biết Bồ-tát gieo

trồng căn lành cũng như vậy. Ví như chẻ sợi lông ra làm trăm phần, lấy một phần của sợi lông chấm vào một giọt nước trong bốn biển, phải biết Thanh văn gieo trồng căn lành cũng ít như vậy.

Ví như khoảng trống trong hạt cải, phải biết Thanh văn gieo trồng căn lành cũng nhỏ ít như vậy.

Ví như hư không trong mười phương, phải biết Bồ-tát gieo trồng căn lành cũng nhiều như vậy.

Ví như hoàng hậu của vua Sát-lợi thông dâm với kẻ hạ tiện, sau đó sinh một người con. Ý ông thế nào? Đứa con này là vương tử chăng?

Đáp:

–Bạch Thế Tôn, chẳng phải.

–Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Các Thanh văn này từ pháp giới của Ta sinh ra nhưng tất cả họ đều chẳng phải đệ tử của Thế Tôn.

Ví như vua Sát-lợi-đánh-sinh, giao hợp với kẻ tiện nữ, sau đó sinh ra một người con. Ý ông thế nào? Đứa bé do người tiện nữ sinh ra chẳng phải là vương tử chăng?

–Bạch Thế Tôn, chính là vương tử.

–Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Tuy sinh ra từ tầng lớp thấp kém nhưng vẫn gọi là vương tử. Cũng vậy, Bồ-tát từ lúc mới phát tâm đạo, tuy trụ trong sinh tử để giáo hóa chúng sinh, nhưng tất cả đều là đệ tử của Như Lai.

Ví như Chuyển luân Thánh vương tuy có ngàn con nhưng không người nào có tướng của Thánh vương. Ý của Thánh vương không nghĩ đó là con trai của mình. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Đức Như Lai tuy có trăm ngàn chúng đệ tử Thanh văn, nhưng không có vị Bồ-tát nào, Đức Như Lai chẳng tưởng về những người ấy.

Ví như phu nhân của Thánh vương mang thai bảy ngày, sẽ sinh một hoàng nam, đủ tướng của Thánh vương, chư Thiên trời Đao-lợi đều kính trọng hơn các cậu bé khác. Vì sao? Vì hoàng nam tuy còn nhỏ nhưng sẽ nối ngôi Thánh vương. Cũng vậy, Bồ-tát khi mới phát tâm đạo, các căn tuy chưa đủ nhưng các chúng trời trông thấy thấy

đều cung kính hơn bậc A-la-hán đủ tám giải thoát. Vì sao? Vì Bồ-tát mới phát tâm các căn chưa đủ nhưng chẳng đoạn mất giống Phật.

Ví như có một viên ngọc ma-ni nhỏ vẫn hơn cả khối thủy tinh lớn bằng núi Tu-di. Cũng vậy, Bồ-tát đầu mới phát tâm đạo vẫn hơn hẳn tất cả Thanh văn.

Này Tôn giả Ca-diếp! Ví như phu nhân của Chuyển luân Thánh vương mới sinh được hoàng nam, tất cả quần thần đều bái yết. Cũng vậy, Bồ-tát mới phát tâm đạo, tất cả hàng trời người đều nên kính lễ.

Ví như trên núi Tu-di mọc lên các cây thuốc hay, có thể chữa lành bệnh hoạn đau khổ cho tất cả mọi người, không có giới hạn. Cũng vậy, Bồ-tát tu học thuốc trí tuệ trị lành bệnh sinh tử cho tất cả mọi người, cũng không có giới hạn.

Ví như kính lễ mặt nguyệt từ lúc mới mọc chẳng phải đợi sau khi tròn đầy. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Kính lễ Bồ-tát khi mới phát tâm thì hơn hẳn, chẳng phải đợi thành Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Vì sao? Vì chư Phật-Như Lai đều từ Bồ-tát sinh.

Này Tôn giả Ca-diếp! Ví như không bỏ mặt nguyệt mà thờ các tinh tú. Cũng vậy, không có chuyện lìa xa Bồ-tát đủ giới đức và trí tuệ mà lễ bái Thanh văn.

Này Tôn giả Ca-diếp! Ví như tất cả hàng trời, người không thể dùng thủy tinh làm ra ngọc báu ma-ni. Cũng vậy, Thanh văn đầu đã thành tựu tất cả giới hạnh thanh tịnh vẫn không thể ngồi nơi cội cây Bồ-đề mà thành đạo Chánh chân vô thượng.

Ví như người được ngọc báu ma-ni lại được vô lượng trăm ngàn vật báu khác. Cũng vậy, Bồ-tát thị hiện ở thế gian thì có được vô lượng Thanh văn, Duyên giác xuất hiện ở thế gian.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Đại Ca-diếp:

–Bồ-tát vì tất cả chúng sinh, cầu tu các căn lành, đầy đủ thuốc trí tuệ, trụ khắp bốn phương tùy theo bệnh mà chữa trị thích ứng như thật.

Này Ca-diếp! Thế nào là chữa trị như thật? Nghĩa là dùng quán bất tịnh về thân để trừ bệnh tham dục, dùng tâm từ trị bệnh sân hận, dùng duyên khởi để trị ngu si, dùng quán không để trị các kiến chấp,

dùng vô tướng trị tất cả bốn tướng, dùng vô nguyên trị tất cả dục giới, sắc giới và vô sắc giới, dùng bốn thứ phi điền đảo trị bốn thứ điền đảo nơi tất cả hạnh, dùng vô thường trị vọng tưởng có thường trong vô thường, dùng khổ trị vọng tưởng có vui trong cái khổ, dùng vô ngã trị vọng tưởng có ngã trong vô ngã, dùng tướng bất tịnh trị vọng tưởng có tịnh trong bất tịnh, dùng bốn niệm xứ trị những kiến chấp thân trong thân thọ-tâm-pháp.

Quán thân thì chẳng khởi ngã kiến mà quán thân.

Quán thọ thì chẳng khởi ngã kiến mà quán thọ.

Quán tâm thì chẳng khởi ngã kiến mà quán tâm.

Quán pháp thì chẳng khởi ngã kiến mà quán pháp.

Dùng bốn ý đoạn (bốn chánh cần) để đoạn dứt tất cả pháp bất thiện và tu tập tất cả pháp thiện.

Dùng Bốn thần túc để xả bỏ vọng tưởng về thân tâm chân thật.

Dùng Năm căn năm lực để trị chẳng tín, biếng nhác, niệm loạn, không trí.

Dùng Bảy giác chi để trị sự không trí đối với các pháp.

Dùng Tám thánh đạo để trị tất cả tà đạo.

Ca-diếp, đây gọi là tùy theo bệnh mà chữa trị như thật cho thích ứng.

Này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát phải như đây mà tu học.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Giả sử khiến tất cả chúng sinh nơi các quốc độ trong Tam thiên đại thiên thấy đều như Y vương Kỳ-vực. Nếu có người hỏi: Dùng thuốc gì để trị bệnh kia (kiết sử, tà kiến, nghi, hối trong tâm) thì chắc chắn họ không đáp được, chỉ có Bồ-tát mới đáp được. Thế nên, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát phải nghĩ: Ta chẳng nên cầu lấy thuốc của thế gian mà phải tu tất cả căn lành để cầu học thuốc của xuất thế gian, chính là thuốc trí tuệ, rồi đi khắp bốn phương tùy theo bệnh của chúng sinh mà chữa trị đúng như thật.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Thế nào là thuốc trí tuệ xuất thế gian?

–Nghĩa là trí biết các pháp do duyên hòa hợp mà sinh, trí tin tất

cả pháp không có ngã, nhân, thọ mạng, trí hiểu tất cả pháp là không, không có tâm kinh sợ. Bồ-tát quán như vậy:

Gi là tâm tham dục?

Gi là tâm sân giận ngu si?

Là quá khứ chẳng?

Là vị lai hay hiện tại chẳng?

Nếu là quá khứ thì tâm đã diệt hết. Nếu là vị lai thì tâm vị lai chưa sinh khởi. Nếu là hiện tại thì tâm hiện tại chẳng trụ. Như vậy, này Tôn giả Ca-diếp! tâm vị lai chẳng ở bên trong, cũng chẳng ở bên ngoài, cũng chẳng ở khoảng giữa. Tâm là phi sắc, không thể thấy, cũng không đối, không biết, không tri, không an trụ, không nương tựa.

Này Tôn giả Ca-diếp! Tâm ấy, tất cả chư Phật đều chẳng đã thấy, chẳng sẽ thấy, chẳng đang thấy. Nếu tất cả chư Phật chẳng đã thấy, chẳng sẽ thấy, chẳng đang thấy thì làm sao biết có chốn tu hành, chỉ do điên đảo tưởng nên có sự vận hành của các pháp. Các pháp như huyền như hóa, thọ nhận vô số thứ để sinh khởi. Tâm này như gió bay xa, không thể nắm giữ được.

Tâm như dòng nước chảy nên không thể an trụ.

Tâm như ngọn đèn do các duyên tương tục mà có.

Tâm như lúc ánh chớp chẳng đứng yên.

Tâm như sương mù làm cấu uế các vật bên ngoài.

Tâm như khí vượn vì tham chấp tất cả cảnh giới.

Tâm như họa sư vì tạo ra vô số các pháp.

Tâm chẳng đắc trụ vì tùy theo các kiết sử.

Tâm thường một mình không có bạn vì ưa thích giông ruổi.

Tâm như đại vương vì là thủ lãnh tất cả pháp.

Tâm này như người mẹ vì sinh ra tất cả khổ.

Tâm này như đồng lửa cháy vì làm tiêu tan tất cả các căn lành.

Tâm này như cá nuốt lưỡi câu vì khổ mà tưởng là vui.

Tâm này như mộng vì trong vô ngã mà tưởng có ngã.

Tâm này như loài ruồi nặng vì trong bất tịnh mà tưởng là tịnh.



Tâm này như oan gia vì đã làm những việc không đáng làm.  
 Tâm này như La-sát vì thường ưa tìm dịp hại người.  
 Tâm này như kẻ ganh ghét vì thường ưa tìm lỗi của người khác.  
 Tâm này không thể thương yêu vì thương yêu là mê tối.  
 Tâm này như kẻ giặc vì đoạn mất tất cả căn lành.  
 Tâm này tham đắm nơi sắc như loài thiêu thân đâm đầu vào  
 lửa.

Tâm này tham âm thanh như quân binh thích tiếng trống trận.  
 Tâm này tham ái hương như loài heo ưa chỗ dơ bẩn.  
 Tâm này tham đắm mùi vị như khiến người ưa thích ăn uống.  
 Tâm này ưa tiếp xúc như ruồi nhặng ưa mùi hôi.  
 Suy tìm tâm không có cũng không thể thủ đắc.  
 Nếu không thể thủ đắc tức không có quá khứ, vị lai, hiện tại.  
 Nếu không có quá khứ, vị lai, hiện tại tức vượt qua ba đời.  
 Nếu vượt qua ba đời tức là chẳng có cũng chẳng không.  
 Nếu chẳng có chẳng không tức là chẳng sinh khởi.  
 Nếu chẳng sinh thì đây là vô tánh.  
 Nếu vô tánh thì chính là chẳng khởi.  
 Nếu chẳng khởi thì cũng chẳng diệt.  
 Nếu chẳng diệt tức không hủy hoại.  
 Nếu không hủy hoại tức là không đến không đi  
 Nếu không đến không đi tức là không có sự sinh tử.  
 Nếu không đến đi, không sinh tử tức là không hành.  
 Nếu không hành tức là vô vi.  
 Nếu vô vi tức là tánh của Hiền Thánh.

Nếu là tánh của Hiền Thánh thì không có giữ giới hay không  
 phải là không giữ giới. Nếu không có giữ giới hay không phải là  
 không giữ giới tức không có hành oai nghi, cũng không có chẳng oai  
 nghi.

Nếu không có hành, không có oai nghi hay chẳng phải là  
 không oai nghi thì không có tâm, không có số pháp của tâm.

Nếu không có tâm và số pháp của tâm thì không có nghiệp

không có báo.

Nếu không có báo thì không có khổ không có vui.

Nếu không có khổ vui tức là tánh của Hiền Thánh.

Nếu là tánh của Hiền Thánh thì không có nghiệp, không có tạo tác. Như trong tánh này thì không có thân nghiệp, cũng không có khẩu nghiệp, ý nghiệp. Tánh này bình đẳng không có thượng, trung, hạ, cũng không có sai biệt. Vì tất cả các pháp thấy đều bình đẳng.

Này Tôn giả Ca-diếp! Tánh này xa lìa vì lìa thân khẩu.

Tánh này vô vi vì thuận với Niết-bàn.

Tánh này thanh tịnh vì lìa tất cả các phiền não cấu uế.

Tánh này vô ngã vì lìa ngã và ngã sở.

Tánh này bình đẳng vì lìa hư thật.

Tánh này chân thật hơn hết vì là đệ nhất nghĩa.

Tánh này cho đến tận cùng cũng chẳng khởi vì thường như pháp. Tánh này an lạc vì đồng đẳng với vô vi.

Tánh này thanh khiết vì rốt ráo không có cấu uế.

Tánh này phi ngã, cầu ngã vì không thể thủ đắc.

Tánh này trong lành vì thanh tịnh rốt ráo.

Này Tôn giả Ca-diếp! Các ông phải cầu bên trong chứ nên cầu bên ngoài. Đời vị lai, sẽ có Tỳ-kheo giống ruồi như chó. Thế nào là Tỳ-kheo giống ruồi như chó? Ví như có người lấy cục đất ném chó làm cho nó sợ, chó liền đuổi theo cục đất, chẳng đuổi theo người ném.

Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Có những Sa-môn, Bà-la-môn sợ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp mà trở lại ưa ở trong đó, chẳng chịu quán bên trong, chẳng biết thế nào là rời sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Vì chẳng biết, chẳng quán sát nên rơi vào thế gian, lại bị sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp trói chặt. Họ ở trong chốn núi rừng vắng vẻ đến mạng chung, do trì tục giới nên được sinh lên cõi trời, lại bị sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp nơi cõi trời trói chặt, nên khi thân hoại mạng chung, sinh vào bốn đường ác. Những gì là bốn? Nghĩa là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, A-tu-la.

Này Tôn giả Ca-diếp! Tỳ-kheo giống ruồi như chó cũng như

vậy.

Thế nào là Tỳ-kheo chẳng giống ruồi như chó? Nếu bị người chửi thì im lặng chịu đựng chẳng đáp lại. Nếu bị trách mắng giận dữ Tỳ-kheo cũng chẳng giận lại. Chỉ quán bên trong thân: đánh, mắng là ai? Ai lãnh chịu, ai giận dữ?

Này Tôn giả Ca-diếp! Như vậy là Tỳ-kheo chẳng giống ruồi như chó.

Ví như người chăn ngựa giỏi, tùy ngựa ngang bướng vẫn có thể điều phục. Tỳ-kheo tu hành cũng như vậy, tùy tâm của vị ấy giống ruồi về hướng nào thì theo đó chế ngự, chớ để buông lung.

Ví như người nghệt yết hầu ắt có thể chết. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Tất cả các kiến chấp chỉ có ngã kiến là có thể đoạn dứt tuệ mạng.

Ví như có người bị trói, lần theo chỗ trói ấy thời ắt sẽ mở được. Cũng vậy, tùy theo tâm chấp trước chỗ nào mà Tỳ-kheo liền trừ diệt.

Này Tôn giả Ca-diếp! Người xuất gia học đạo có hai sự trói buộc. Thế nào là hai? Một là đọc tụng kinh sách thế tục. Hai là mang giữ y bát mà chẳng tinh tấn.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Người xuất gia học đạo có hai sự trói buộc. Thế nào là hai? Một là trói buộc vì kiến thức. Hai là bị tiền tài danh lợi trói buộc.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Người xuất gia học đạo có hai pháp chướng ngại. Những gì là hai? Một là thân cận với hàng bạch y. Hai là ganh ghét thầy bạn.

Người xuất gia học đạo lại có hai thứ cấu uế. Những gì là hai? Một là giữ lấy hai kiết sử. Hai là đến nhà người quen xin ăn.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Người xuất gia học đạo có hai thứ hành hủy hoại. Những gì là hai? Một là phỉ báng chánh pháp. Hai là phạm giới mà nhận của tín thí.

Lại nữa, người xuất gia học đạo còn có hai thứ ung nhọt. Những gì là hai? Một là dòm ngó lỗi người. Hai là che đậy lỗi mình.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Người xuất gia có hai sự phiền não thiêu đốt. Thế nào là hai? Một là đắp mặc pháp y để che giấu

tâm cấu uế. Hai là muốn làm cho người có giới hạnh thuận theo ý mình.

Người xuất gia tu học lại có hai thứ bệnh. Thế nào là hai? Một là kiêu căng ngạo mạn, chẳng xem xét tâm. Hai là hủy báng người học Đại thừa.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Hàng Sa-môn xưng là Sa-môn có bốn hạng. Thế nào là hàng Sa-môn xưng là Sa-môn có bốn hạng? Một là hình sắc giống Sa-môn. Hai là Sa-môn trá hiện oai nghi. Ba là Sa-môn tham danh tiếng. Bốn là Sa-môn chân thật.

Thế nào là hình sắc giống Sa-môn? Nghĩa là có hạng Sa-môn đầy đủ hình tướng, cạo bỏ râu tóc, đắp mặc pháp y, tay ôm bình bát, nhưng thân hành ác, miệng ý đều hành ác, chẳng tu tập, chế ngự, cũng chẳng giữ gìn nên phạm giới, làm ác, tham lam, chẳng tinh tấn. Này Tôn giả Ca-diếp! Đây gọi là hình sắc giống Sa-môn.

Thế nào là Sa-môn trá hiện oai nghi? Có hạng Sa-môn thành tựu các phép tắc, chánh niệm quán sát trong việc đi lại, ăn uống biết dừng đủ, hành bốn Thánh chủng, chẳng ưa chúng hội tụ tập kiểu thế tục, ít nói, ít ngủ, nhưng oai nghi của họ đều là giả dối không thật, chẳng mong muốn tâm thanh tịnh. Chẳng tu tập chỉ quán mà có những kiến tưởng, đối với pháp không, khởi lên tưởng chấp như hố sâu. Nếu có Tỳ-kheo tu tập pháp không thì họ tưởng như oan gia. Này Tôn giả Ca-diếp! Đây gọi là Sa-môn trá hiện oai nghi.

Thế nào là Sa-môn tham danh tiếng? Có hạng Sa-môn vâng giữ giới cấm là muốn cho người khác biết mình giữ giới. Tinh tấn học hỏi là muốn cho người khác biết mình có học hỏi. Ở nơi tịch tĩnh là muốn người khác biết mình là A-lan-nhã; Thiếu dục tri túc, ở một mình là cũng muốn cho người khác biết được; chẳng nhàm bỏ sinh tử; chẳng xa lìa dục lạc, chẳng ưa thích vắng lặng; chẳng muốn cầu đạo, lìa bỏ phạm hạnh, chẳng vì Niết-bàn. Này Tôn giả Ca-diếp! Đây gọi là Sa-môn ưa danh tiếng.

Thế nào Sa-môn chân thật? Có bậc Sa-môn chẳng vì thân mạng, hướng hồ lại tham tiền tài, đấm danh lợi. Họ thích nghe pháp không-vô tướng-vô nguyện. Nghe pháp rất hoan hỷ, tu hành đúng pháp. Chẳng vì Niết-bàn mà tu phạm hạnh hướng hồ là vì ba cõi. Họ

chẳng khởi chấp không hướng chi là chấp về ngã - nhân - thọ mạng, chỉ nương vào pháp ấy để cầu đạo, lìa kiết sử đạt giải thoát, chẳng tìm cầu ngoại đạo, quán tánh các pháp là thanh tịnh rốt ráo, không vương cấu uế mà tự quán chiếu, chẳng nhờ vào năng lực của người khác. Đúng như pháp, nghĩa là chẳng thấy Như Lai hướng chi là thấy có sắc thân, chẳng thấy pháp vô dục hướng hồ lại thấy có sự trang sức, chẳng tưởng về vô vi, hướng hồ lại thấy có các công đức, chẳng tu tập theo pháp đoạn, chẳng học theo pháp tu, chẳng trụ nơi sinh tử, chẳng chấp nơi Niết-bàn, chẳng cầu giải thoát, cũng chẳng cầu trói buộc, biết tất cả pháp là rốt ráo thanh tịnh, chẳng sinh chẳng diệt. Đây Tôn giả Ca-diếp! Đây gọi là Sa-môn chân thật.

Thế nên, này Tôn giả Ca-diếp! Phải học theo Sa-môn chân thật ấy, chớ tập theo Sa-môn tham cầu danh tiếng.

Ví như người bần cùng, bên ngoài giả danh giàu sang. Ý ông thế nào? Người ấy có xứng với danh không?

–Bạch Thế Tôn, không.

–Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Sa-môn chỉ có danh tự không có đức hạnh của Sa-môn, Ta nói người này cũng như người nghèo cùng kia.

Ví như có người đang bị dòng nước lớn cuốn trôi, nhưng khát nước mà chết. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Có những Sa-môn, Phạm chí tu học nhiều kinh pháp mà không thể ngăn được sự khao khát về tham, sân, si. Người ấy cũng bị trôi chìm trong nước pháp mà chết vì khao khát phiền não, sinh trong đường ác cũng như vậy.

Ví như thầy thuốc tay cầm các thứ thuốc, trị lành bệnh người khác mà không thể trị lành bệnh của chính mình. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Có những Sa-môn, Phạm chí đọc tụng nhiều giáo pháp mà chẳng trừ được bệnh tham, sân, si của mình.

Ví như có người uống thuốc quý của nhà vua mà chẳng thích hợp nên phải chết. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Có nhiều Sa-môn, Phạm chí chẳng hành đúng như pháp, nên phát nhiều bệnh phiền não, sau khi chết sinh vào cõi ác.

Ví như ngọc ma-ni rơi vào chỗ bất tịnh thì không được giá trị như trước. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Những Sa-môn, Phạm

chí tham đắm của cái danh lợi, nên biết những vị ấy cũng như viên ngọc ma-ni rơi vào chỗ bất tịnh không còn giá trị gì cả.

Ví như thầy người chết đeo chuỗi vàng. Này Tôn giả Ca-diếp! Người phạm giới mà đắp mặc pháp y cũng như vậy.

Ví như trưởng giả tử tử tắm gội sạch sẽ, mặc y phục mới, thoa bột thơm, đeo tràng hoa. Này Tôn giả Ca-diếp! Bạc Đa văn trì giới, mặc pháp y cũng như vậy.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Có bốn hạng chẳng trì giới nhưng giống như trì giới. Những gì là bốn? Có hàng Tỳ-kheo hộ trì giới cấm, đầy đủ oai nghi, tâm thường lo sợ dù chỉ phạm lỗi nhỏ. Giới mà Tỳ-kheo ấy giữ rất thanh tịnh, oai nghi phép tắc đầy đủ. Thân, khẩu, ý nghiệp và chánh mạng thanh tịnh, mà lại chấp ngã. Này Tôn giả Ca-diếp! Đây gọi là loại Tỳ-kheo thứ nhất, chẳng trì giới nhưng tựa như trì giới.

Lại có Tỳ-kheo tụng luật thông suốt, an trú theo giới luật nhưng chẳng đoạn thân kiến. Này Tôn giả Ca-diếp! Đây là hạng thứ hai, chẳng trì giới nhưng tựa như trì giới.

Lại có Tỳ-kheo hành tâm từ với chúng sinh, nghe nói các pháp vốn chẳng sinh chẳng diệt thì khởi tâm lo sợ. Này Tôn giả Ca-diếp! Đây gọi là hạng thứ ba, chẳng trì giới nhưng tựa như trì giới.

Lại có Tỳ-kheo hành mười hai hạnh Đầu-đà thanh tịnh mà khởi chấp ngã và ngã sở. Này Tôn giả Ca-diếp! Đây gọi là hạng thứ tư, chẳng trì giới mà tựa như trì giới.

Này Tôn giả Ca-diếp! Người thật trì giới thì không có ngã, cũng không có ngã sở, không tạo hay chẳng tạo, không có sự hay phi sự, cũng không có oai nghi, không hành hay chẳng hành, không có tướng danh sắc, cũng không có phi tướng, không có diệt, cũng không có tướng diệt, không lấy không bỏ, không có cái đáng lấy, cũng không có cái chẳng đáng bỏ, chẳng nêu bày là có chúng sinh, cũng chẳng nêu bày là không có chúng sinh, không có khẩu hành, không có chẳng khẩu hành, không có tâm, chẳng tâm, không nương tựa, chẳng nương tựa, không có giới, chẳng giới. Này Tôn giả Ca-diếp! Đây gọi là giới của bậc Thánh vô lậu, không còn bị thoái chuyển, ra khỏi ba cõi, lia tất cả sự lệ thuộc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Người trì giới thanh tịnh  
 Không cầu không sở hữu  
 Trì giới không kiêu mạn  
 Cũng không chỗ nương dựa.  
 Trì giới chẳng si ám  
 Cũng không bị trói buộc  
 Trì giới không bụi nhiễm  
 Cũng không có lỗi quấy.  
 Giới vô thượng an lạc  
 Rốt ráo thường tịch diệt  
 Không có tướng, chẳng tướng  
 Cũng không sự cấu uế.  
 Đoạn mọi chỗ nương tựa  
 Cùng tất cả tham tiếc  
 Như vậy này Ca-diếp  
 Đây gọi trì giới Phật.  
 Chẳng đắm vướng thân khẩu  
 Chẳng bám víu thọ mạng  
 Cũng chẳng tham tất cả  
 Lãnh thọ cùng sinh tử.  
 Tu tập các chánh hạnh  
 An trụ trong chánh đạo  
 Như vậy này Ca-diếp  
 Đây gọi trì giới Phật.  
 Chẳng đắm nhiễm thế gian  
 Cũng chẳng nương thế pháp  
 Thành tựu trí tuệ sáng  
 Không tối, không sở hữu.  
 Không tướng ngã đây kia  
 Đoạn trừ tất cả tướng  
 Thành tựu giới thanh tịnh

Không bờ này bờ kia.  
Cũng không có trung gian  
Nơi không bờ kia đây  
Chẳng sinh tâm chấp trước  
Không trói buộc, không lậu.  
Cũng không có khi đối  
Như vậy, này Ca-diếp  
Đấy gọi trì giới Phật  
Ý chẳng chạy theo sắc.  
Cũng chẳng đắm hư danh  
Tâm luôn được chế ngự  
Trong thiền định chánh niệm  
Như vậy, này Ca-diếp.  
Đấy gọi an trụ giới  
Chẳng chấp nơi giới cấm  
Để thành tựu giải thoát  
Chẳng tôn sùng trì giới.  
Để thân tâm an vui  
Dầu hành trì tịnh giới  
Nhưng cầu tám Thánh đạo.  
Đấy gọi là chân thật.  
Thanh tịnh trì giới tướng  
Chẳng kỳ hẹn trì giới  
Chẳng lệ thuộc thiền định  
Cho tu tập chánh trí.  
Thì đạt được trí tuệ  
Vô sở hữu, thủ đắc  
Thể tánh của Hiền Thánh  
Trì Thánh giới thanh tịnh.  
Được chư Phật ngợi khen  
Tâm giải thoát thân kiến  
Chấp ngã cùng ngã sở  
Quyết chẳng để sinh khởi.



*Tâm hiểu được nghĩa không  
 Là rõ cảnh giới Phật  
 Trì Thánh giới như vậy  
 Thì không gì sánh bằng.  
 Khéo an trụ tịnh giới  
 Thành tựu được thiên định  
 Do thiên định thành tựu  
 Liên tu tập trí tuệ.  
 Nhân nơi tu trí tuệ  
 Mà đạt được giải thoát  
 Người đã được giải thoát  
 Tịnh giới đều bình đẳng.*

Đức Phật nói kệ xong, có tám trăm Tỳ-kheo dứt bỏ mọi phiền não đạt được giải thoát. Ba vạn hai ngàn người xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Năm trăm Tỳ-kheo trước đây đã đắc định, nghe giáo pháp thâm diệu của Phật, tâm họ chẳng thông đạt nên đứng dậy bỏ đi.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-diếp liền thưa:

–Bạch Thế Tôn! Năm trăm Tỳ-kheo này trước đây đã đắc định, nay nghe pháp sâu xa này vì không thể thông hiểu nên họ bỏ đi.

Phật dạy:

–Này Tôn giả Đại Ca-diếp! Năm trăm Tỳ-kheo ấy vì kiêu mạn nên không thể hiểu giới tướng thanh tịnh vô lậu này, là những lời thuyết pháp hết mực vi diệu, là đạo lý mâu nhiệm của chư Phật. Lỗi là vì chưa gieo trồng căn lành và bị tri thức ác sai khiến nên không thể hiểu được. Về thuở quá khứ, thời Đức Phật Ca-diếp, năm trăm Tỳ-kheo này đều làm đệ tử của ngoại đạo, khi nghe Đức Phật Ca-diếp thuyết pháp, do chấp trước về hữu nên một lần nghe giáo pháp tâm rất hoan hỷ. Do nhân duyên ấy, sau khi qua đời được sinh lên cõi trời Đao-lợi. Từ cõi trời ấy mạng chung, sinh trở lại nhân gian, xuất gia học đạo trong giáo pháp của Ta. Các Tỳ-kheo này vì ôm sâu kiến chấp nên nghe giáo pháp thâm diệu này không thể lãnh hội. Vì nay mới tạo duyên nên chẳng bị đọa vào đường ác, thân ấy

mạng chung sẽ đạt được Niết-bàn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Tu-bồ-đề:

– Ông hãy đi giáo hóa năm trăm Tỳ-kheo kia.

Tôn giả Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Thế Tôn! Năm trăm Tỳ-kheo này còn chẳng tin lời Phật dạy, huống là tin nơi Tôn giả Tu-bồ-đề này.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn hóa làm hai vị Tỳ-kheo đi trên đường năm trăm Tỳ-kheo kia đang hướng đến. Chư Tỳ-kheo ấy gặp hai vị hóa Tỳ-kheo, liền đến hỏi:

– Các Hiền giả định đi đâu?

Hóa Tỳ-kheo đáp:

– Chúng tôi muốn đến chốn núi rừng vắng vẻ để trụ vào thiên định an lạc. Vì sao? Vì chúng tôi không hiểu được giáo pháp Đức Thế Tôn giảng nói.

Các Tỳ-kheo liền nói:

– Chư Hiền, chúng tôi cũng chẳng hiểu được pháp do Đức Thế Tôn giảng nói, lại còn có sự sợ hãi, nên cũng muốn đi đến chỗ vắng lặng để tu thiên định.

Hóa Tỳ-kheo nói:

– Nay chư Hiền! Chúng ta hãy đến đây cùng bàn luận, chớ tranh cãi, vì đây chẳng phải là hạnh của Sa-môn. Chư Hiền, người nói Niết-bàn là vì những pháp nào mà nhập Niết-bàn. Ở trong thân này cái gì là chúng sinh? Là ngã? Là nhân? Là thọ mạng mà gọi là nhập Niết-bàn? Hay có pháp diệt tận nào liền được nhập Niết-bàn?

Năm trăm Tỳ-kheo đáp:

– Khi tham dục, sân hận, ngu si diệt thì được Bát-niết-bàn.

Hóa Tỳ-kheo hỏi:

– Chư Hiền, có sự chấm dứt tham, sân, si chẳng? Để nói cái này diệt thì được Bát-niết-bàn?

Năm trăm Tỳ-kheo đáp:

– Chư Hiền! Tham, sân, si chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, cũng chẳng ở trung gian, cũng chẳng phải không có suy tưởng mà có.

Hóa Tỳ-kheo nói:

–Thế nên các vị chớ có tưởng, cũng chẳng phải là không có tưởng. Nếu chẳng tưởng, chẳng phải chẳng tưởng thì không có nhiễm, chẳng phải là không có nhiễm. Nếu không có nhiễm, chẳng phải không có nhiễm thì gọi là tịch diệt. Chư Hiền nên biết: Giới thân có được, chẳng sinh cũng chẳng diệt độ. Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến, thân chẳng sinh, cũng chẳng diệt độ. Do đấy nên năm phần pháp thân mà nói diệt độ ấy là pháp xa lìa, không có sở hữu, là rỗng lặng, không có lấy, không có bỏ. Như vậy, này Chư Hiền! Vì sao lại có thể tưởng về Bát-niết-bàn? Thế nên Chư Hiền! Chớ có tưởng đối với tưởng, chớ có tưởng đối với vô tưởng, cũng đừng đoạn tưởng và vô tưởng. Nếu đoạn tưởng, vô tưởng thì đấy là duyên lớn. Chư Hiền! Nếu nhập vào tưởng mà biết định diệt thì ở đấy tự như có chỗ tạo tác.

Khi giảng nói pháp này, năm trăm Tỳ-kheo ấy liền xa lìa các phiền não, tâm được giải thoát, liền đi đến chỗ Đức Phật, đầu mặt lay sát chân Phật rồi ngồi qua một bên.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi các Tỳ-kheo:

–Chư Hiền, các vị đã đi đâu và nay từ đâu lại?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Tôn giả Tu-bồ-đề, như Đức Phật thuyết pháp là không đi, không đến.

Tu-bồ-đề lại hỏi:

–Chư Hiền, thầy của các vị là ai?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Thầy của chúng tôi vốn chẳng sinh, cũng chẳng diệt.

Tu-bồ-đề lại hỏi:

–Như thế nào gọi là biết pháp?

Đáp:

–Là không có sự ràng buộc, không có sự giải thoát.

Tu-bồ-đề lại hỏi:

–Chư Hiền, làm thế nào để giải thoát?

Đáp:

–Vô minh diệt thì minh sinh.

Tu-bồ-đề lại hỏi:

–Chư Hiền, các vị là đệ tử của ai?

Đáp:

–Người được gọi là Chánh trí như vậy, nên chứng đắc như vậy.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Chư Hiền, khi nào sẽ diệt độ?

Đáp:

–Khi hóa thân của Như Lai nhập Niết-bàn.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Chư Hiền, việc cần làm đã làm xong chăng?

Đáp:

–Việc cần làm của chúng tôi đã dứt.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Chư Hiền, đồng phạm hạnh với ai?

Đáp:

–Chẳng hành nơi ba cõi.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Chư Hiền, các vị đã hết phiền não chăng?

Đáp:

–Các pháp đều rất ráo tịch diệt.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Chư Hiền, đã hàng phục ma chăng?

Đáp:

–Các ấm là không thể thủ đắc.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Chư Hiền, thuận theo lời dạy của Đức Thế Tôn chăng?

Đáp:

–Không do thân, khẩu, ý.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Chư Hiền, các vị là phước điền thanh tịnh chăng?

Đáp:

–Không thọ cũng không có chỗ thọ.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Chư Hiền đã vượt qua sinh tử chăng?

Đáp:

–Không có thường, không có đoạn.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Chư Hiền hướng đến quả vị phước điền chăng?

Đáp:

–Tất cả các thứ chấp trước đều được giải thoát.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Chư Hiền, sẽ hướng đến chỗ nào?

Đáp:

–Tùy nơi mà hóa thân của Như Lai đến.

Khi Tôn giả Tu-bồ-đề cùng năm trăm Tỳ-kheo hỏi đáp, đại chúng nghe rồi, có tám trăm Tỳ-kheo chấm dứt phiền não, tâm được giải thoát. Ba vạn hai ngàn người xa lìa trần cấu được pháp nhãn thanh tịnh.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thật kỳ lạ, thật đặc biệt! Kinh Bảo Nghiêm này đã đem lại nhiều lợi ích cho mọi người và làm cho các tộc tánh nam, tộc tánh nữ phát tâm hướng đến Đại thừa.

Tôn giả Tu-bồ-đề lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Các Tộc tánh nam nữ giảng nói kinh Bảo Nghiêm này thì được bao nhiêu phước?

Đức Thế Tôn đáp:

–Nếu Tộc tánh tử và Tộc tánh nữ giảng nói kinh Bảo Nghiêm này rồi truyền dạy cho người khác, biên chép thành quyển, bài trí đúng chỗ, thì các chỗ ấy chính là chùa, tháp đẹp đẽ nhất trong thế gian.

Người nào được nghe, được truyền dạy, biên chép kinh này từ vị Pháp sư thì phải kính Pháp sư ấy như kính Đức Như Lai.

Người nào kính Pháp sư, cúng dường, phụng sự, Ta thọ ký cho

người ấy sẽ đạt được đạo quả Chánh chân vô thượng, khi qua đời được gặp Như Lai. Người này sẽ được mười điều thanh tịnh nơi thân. Đó là:

1. Khi chết an vui, không có sự chán ghét.
2. Mắt chẳng rối loạn.
3. Tay chẳng nhiễu loạn.
4. Tai chẳng rối loạn.
5. Thân chẳng có sự phiền nhiễu.
6. Chẳng rối loạn đại tiểu tiện và bất tịnh.
7. Tâm chẳng ô uế.
8. Tâm chẳng tán loạn.
9. Tay chẳng sờ soạng trong hư không.
10. Mạng chung theo tư thế ngồi.

Đây gọi là mười điều thanh tịnh của thân.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Người này sẽ được mười điều thanh tịnh nơi miệng. Những gì là mười?

1. Âm thanh hoàn hảo.
2. Giọng nói nhẹ nhàng.
3. Giọng nói vui vẻ.
4. Âm thanh dễ mến.
5. Lời nói hòa dịu.
6. Âm thanh lưu loát.
7. Lời nói đáng kính.
8. Lời nói dễ nghe.
9. Âm thanh như chư Thiên.
10. Âm thanh như Phật nói.

Đây là mười điều thanh tịnh của miệng.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Người này được mười điều thanh tịnh nơi ý. Những gì là mười?

1. Không sân giận, chẳng phẫn nộ với người khác.
2. Không oán hận, không nói ra.
3. Chẳng tìm lỗi của người khác.

4. Không bị trói buộc.
5. Không có vọng tưởng điên đảo.
6. Tâm không biếng trễ.
7. Giữ giới chẳng buông lung.
8. Ý vui bố thí, hoan hỷ lãnh thọ.
9. Xa lìa sự cao ngạo, kiêu mạn.
10. Đạt được Tam-muội.

Đây là mười điều thanh tịnh của ý.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Nếu đem bảy báu đầy khắp trong hằng sa quốc độ, cúng dường cho hằng hà sa chư Phật Như Lai Đẳng Chánh Giác và chúng đệ tử, trải qua hằng sa kiếp đều cúng dường, bố thí, cho đến sau khi nhập Niết-bàn thì xây tháp bằng bảy báu, cũng chẳng bằng Tộc tánh tử và Tộc tánh nữ nghe kinh Bảo Nghiêm này rồi thọ trì, đọc tụng, thuyết giảng cho người khác, chẳng hề phỉ báng.

Người nữ nào giảng nói kinh này thì trọn chẳng đọa vào đường ác, cũng chẳng còn thọ lại thân nữ.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Nếu có Tộc tánh tử nào muốn đem tất cả châu báu quý giá cúng dường nơi kinh điển này thì phải thọ trì, đọc tụng, biên chép thành quyển, thuyết giảng cho người khác. Đó chính là đã cúng dường kinh điển này.

Người nào thọ trì, đọc tụng, biên chép, thuyết giảng cho người khác tức là đã cúng dường chư Phật Như Lai.

Khi Đức Phật giảng nói kinh này xong, Tôn giả Đại Ca-diếp và tất cả chúng trời, rồng, quỷ thần, dân chúng trong thế gian nghe Phật thuyết giảng rồi đều hoan hỷ phụng hành.

